

BỆNH NHIỄM TRÙNG – TRUYỀN NHIỄM QUAN NIỆM HIỆN NAY & THÁCH THỨC

TS BS Nguyễn Văn Vĩnh Châu

Bệnh viện Bệnh Nhiệt Đới TPHCM

Bộ môn Nhiễm ĐHYD TPHCM

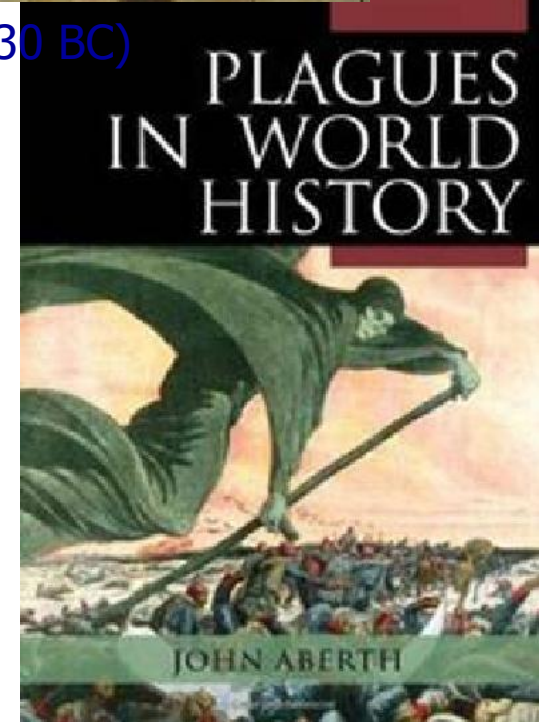
Nhiễm trùng đã đe dọa loài người từ rất xa xưa



Dịch tả: ghi trong bản viết cổ tiếng Sanskrit 500 BC Plague of Athens (430 BC)



Dịch hạch (TK 14)





Đại dịch cúm 1918-19 đã giết chết nhiều người hơn tổng số tất cả các bệnh khác trong cùng một khoảng thời gian. (# 50 triệu)

Alfred W. Crosby

America's Forgotten Pandemic

The Influenza of 1918

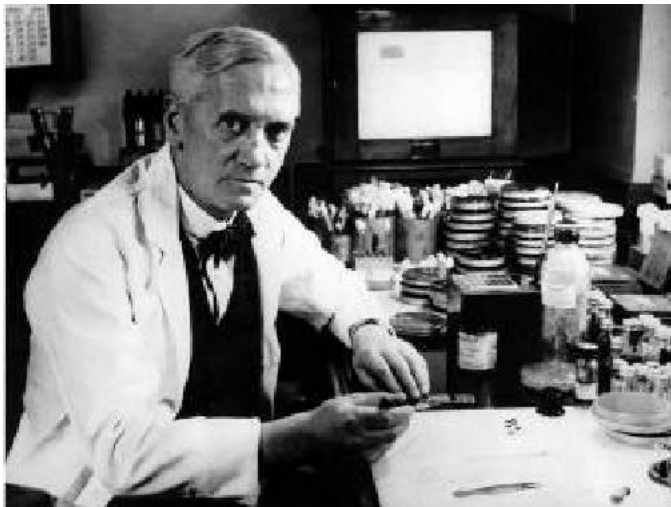
Cambridge University Press, 1989

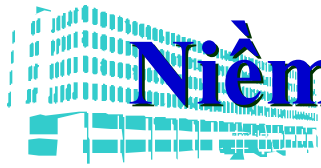
Niềm hy vọng mới của nhân loại!



1860: Louis Pasteur phát hiện các mầm bệnh là nguyên nhân của bệnh nhiễm trùng - "germ theory of disease"

*1928: Alexander Fleming phát hiện ra Penicilline
1942: lần đầu tiên sử dụng điều trị*





Niềm tin đến ngày chiến thắng nhờ kháng sinh!

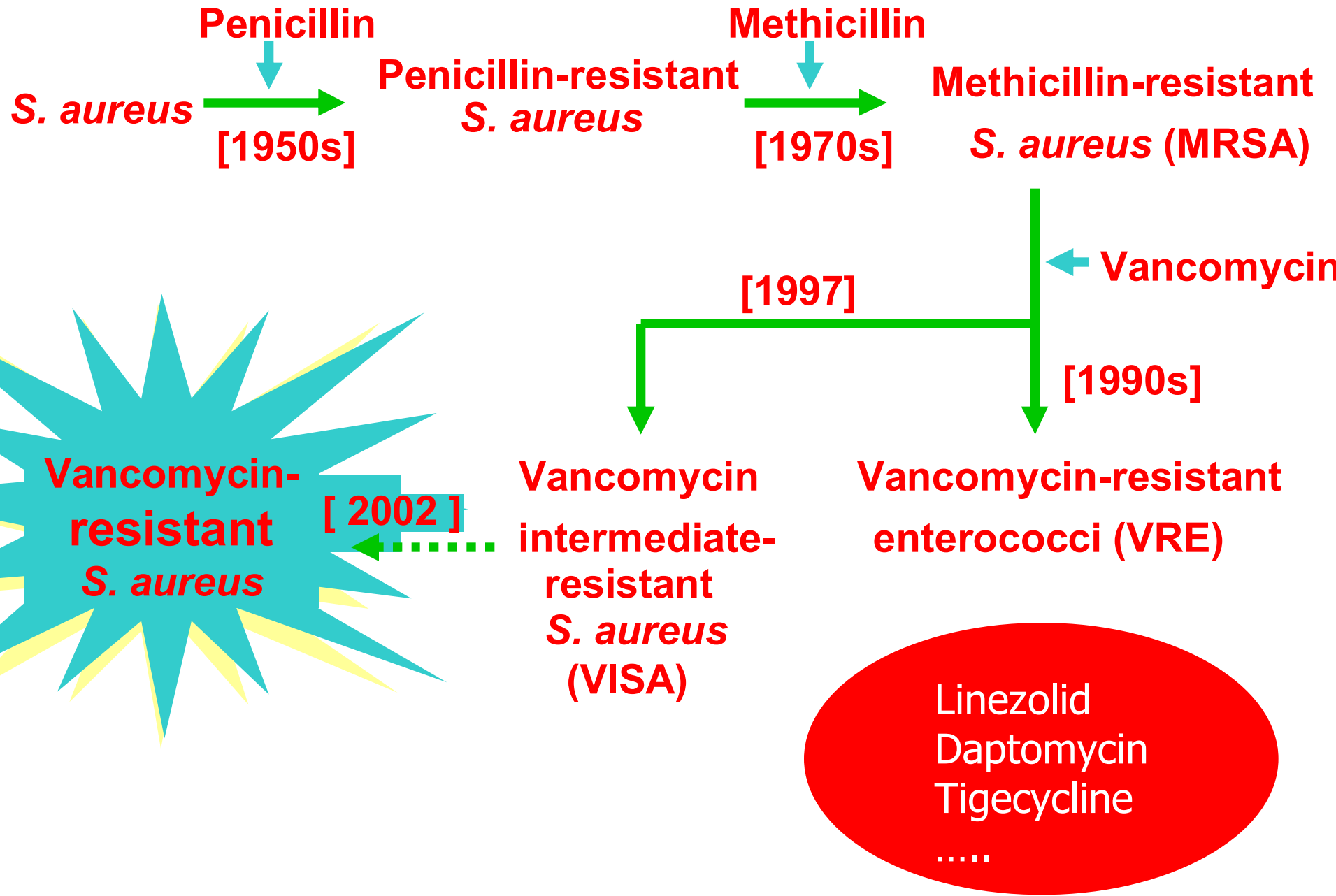


"We can look forward with confidence to a considerable degree of freedom from infectious diseases at a time not too far in the future. Indeed... it seems reasonable to anticipate that within some measurable time... all the major infections will have disappeared."

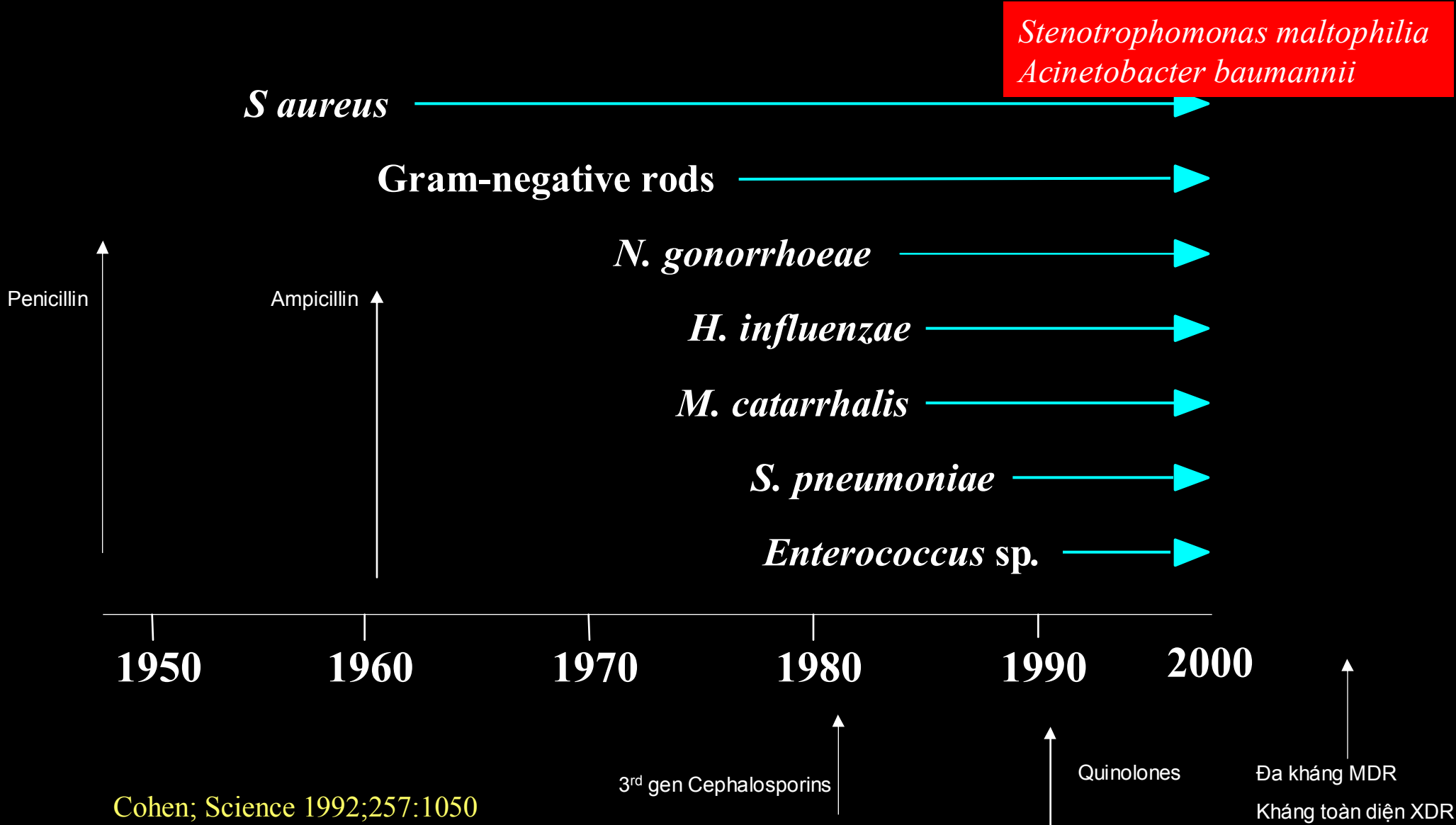
- Aidan Cockburn, *The Evolution and Eradication of Infectious Diseases*, 1963.



Đề kháng kháng sinh xuất hiện nhanh!



Các dòng vi khuẩn kháng thuốc

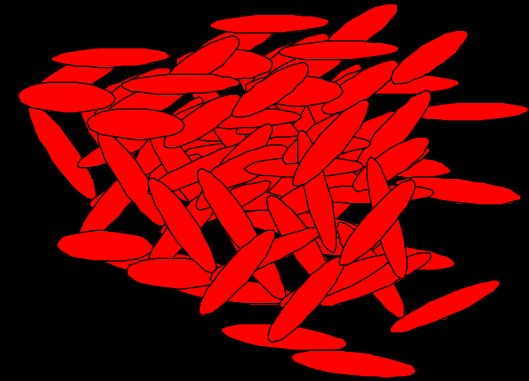
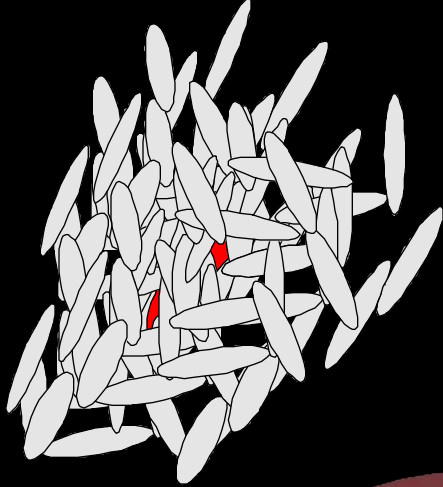


Cơ chế chọn lọc tự nhiên tạo dòng kháng thuốc

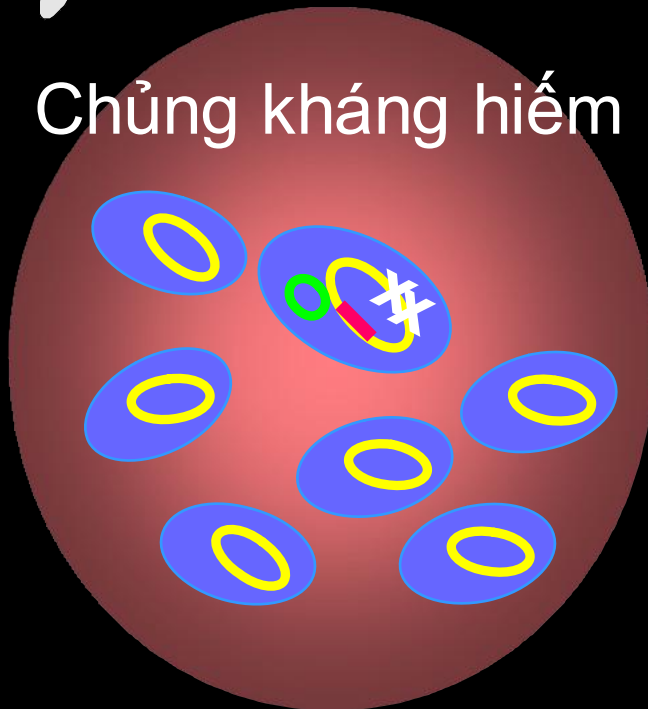
1 / 10.000.000 kháng thuốc

sử dụng kháng sinh

Toàn bộ kháng thuốc

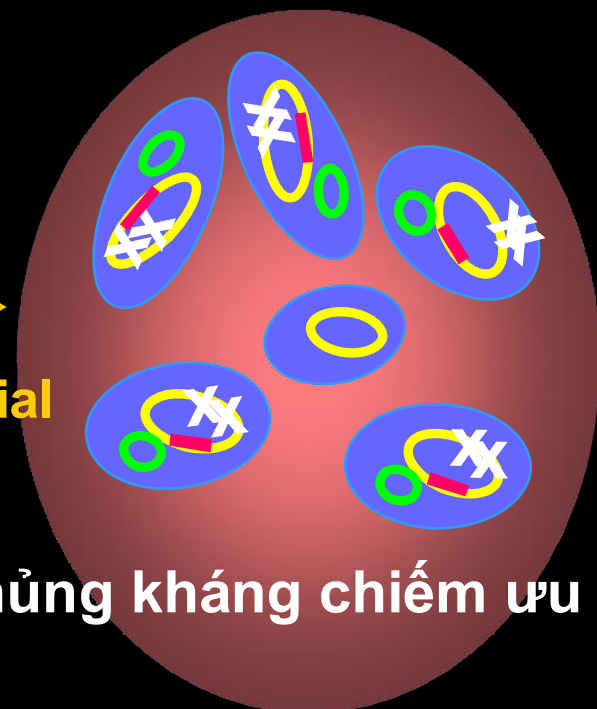


Chủng kháng hiếm



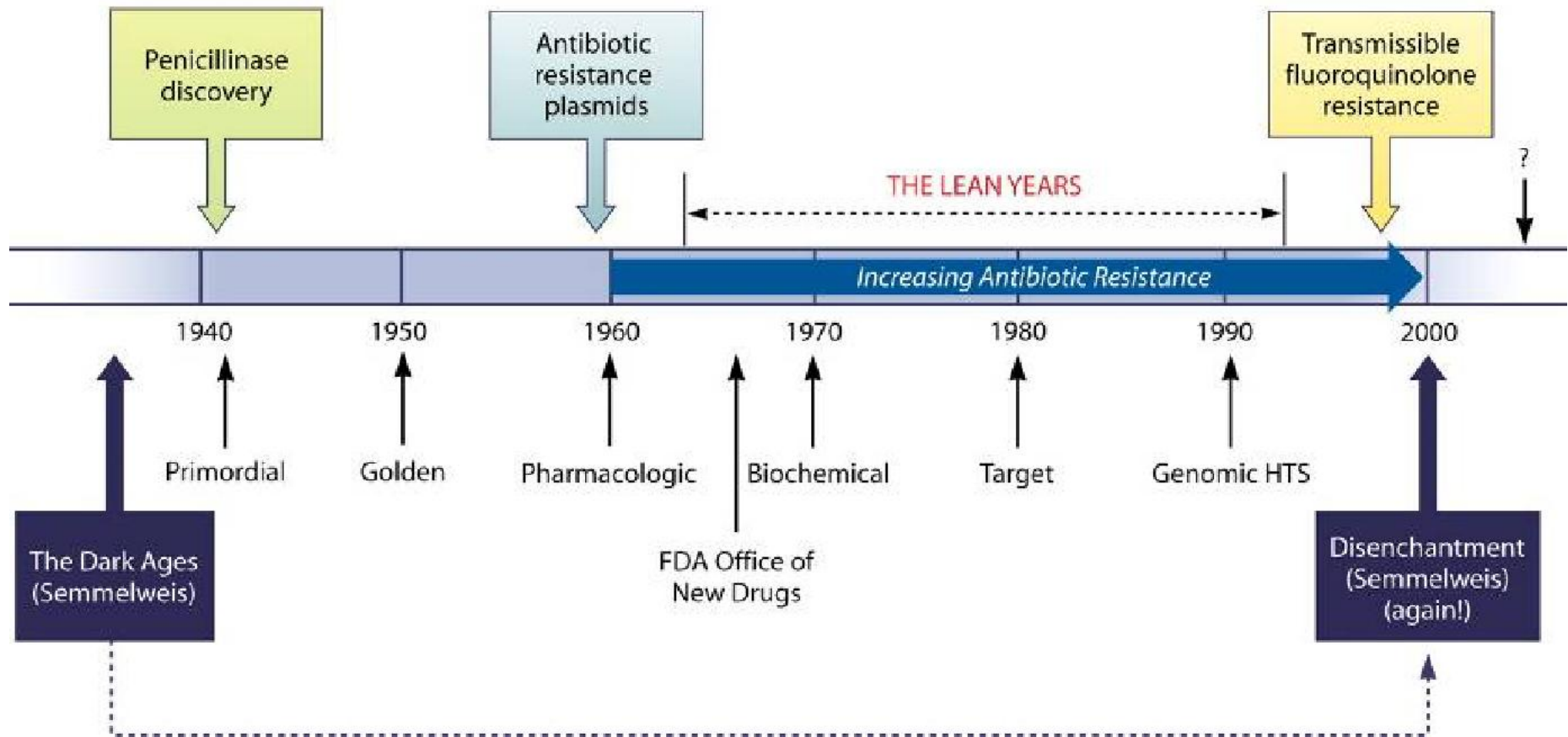
Antimicrobial
Exposure

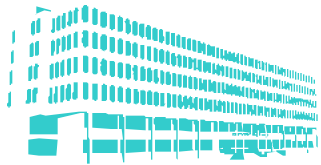
Chủng kháng chiếm ưu thế



Kỷ nguyên hậu kháng sinh sẽ đến?

Events in the Age of Antibiotics

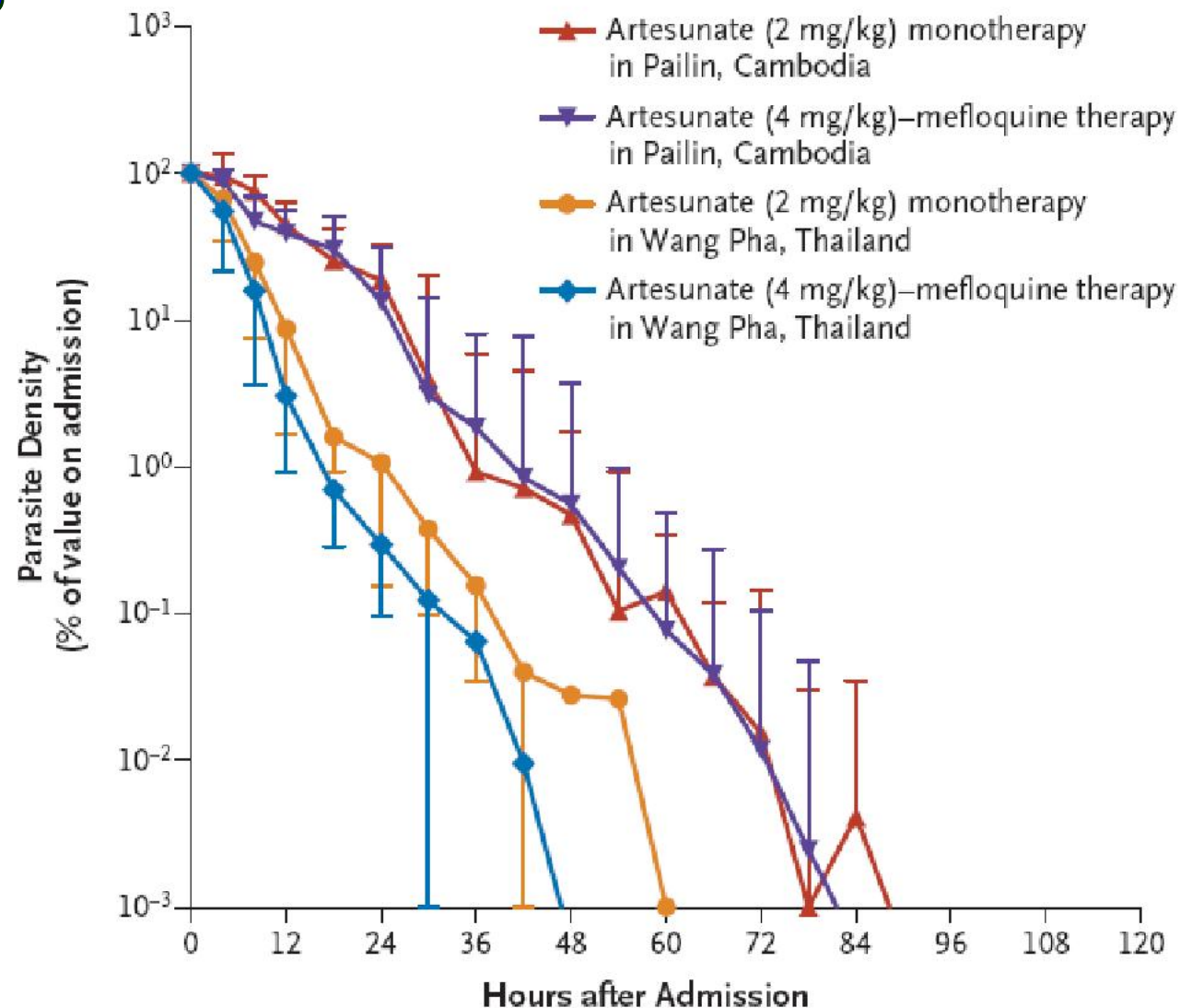




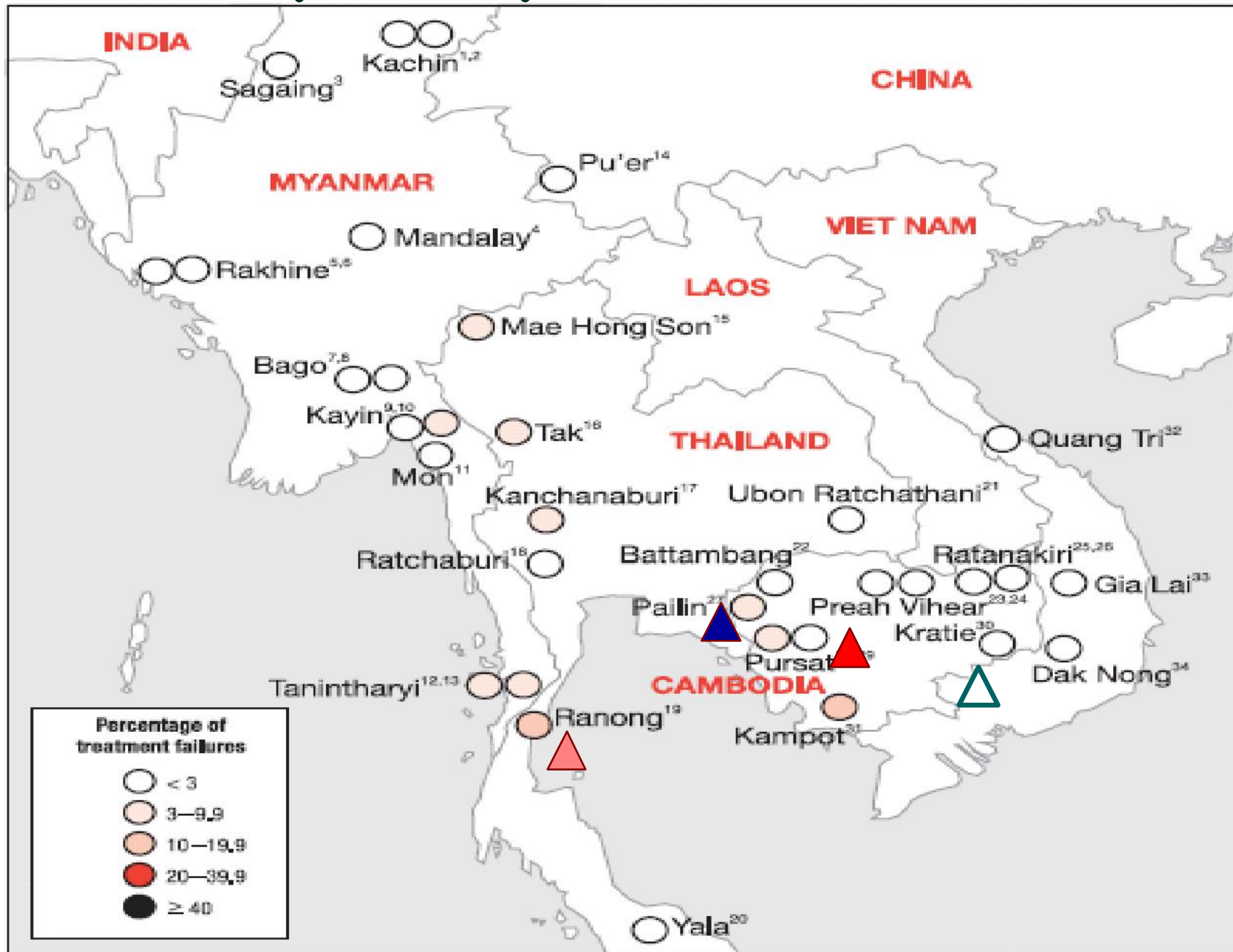
Sốt rét kháng Artemisinin?

ORIGINAL ARTICLE

Artemisinin Resistance in *Plasmodium falciparum* Malaria



Thất bại điều trị N28 với ACT năm 2011

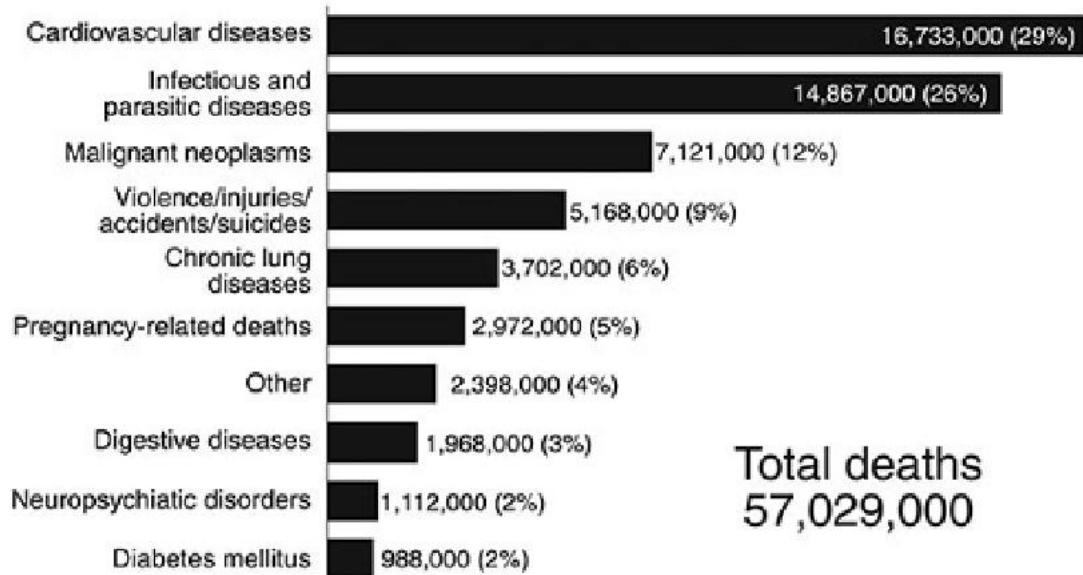




Xu hướng dịch bệnh hiện nay

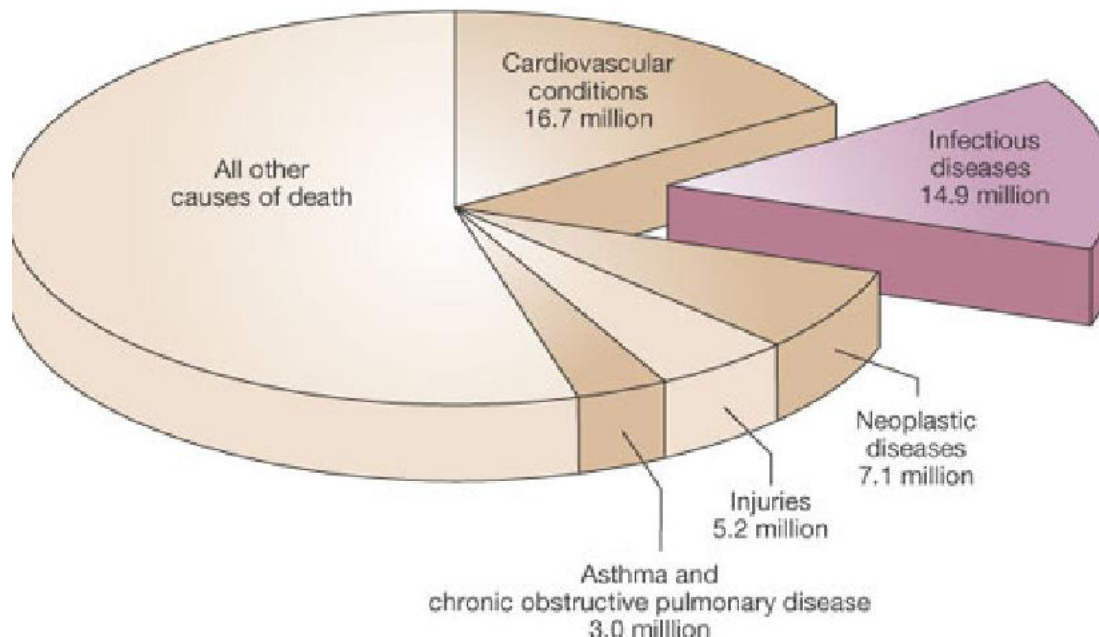
- ➔ Dịch bệnh “cổ điển” như dịch tả, sốt rét, thương hàn, nhiễm não mô cầu ... đang dần dần được kiểm soát.
- ➔ Bệnh thuộc chương trình tiêm chủng như: bạch hầu, uốn ván, ho gà, sởi ... đang có chiều hướng giảm.
 - ➔ Uốn ván-bệnh có thể ngừa- vẫn còn nhiều ở VN! Uốn ván sơ sinh tiếp tục xảy ra!
 - ➔ Bạch hầu: nguy cơ hết kháng huyết thanh do nguồn cầu giảm rất thấp!
- ➔ Bệnh do siêu vi: nhiễm HIV/AIDS, viêm gan siêu vi, viêm não, sốt xuất huyết, tay chân miệng, *Rubella*... tiếp tục diễn biến phức tạp, đôi khi vượt quá khả năng kiểm soát, can thiệp của ngành y tế. (bệnh tái trở dậy – re-emerging diseases)
- ➔ Bệnh mới trở dậy (emerging diseases): cúm gia cầm A (H5N1), nhiễm liên cầu lợn *Streptococcus suis*,

Gánh nặng bệnh tật do nhiễm trùng



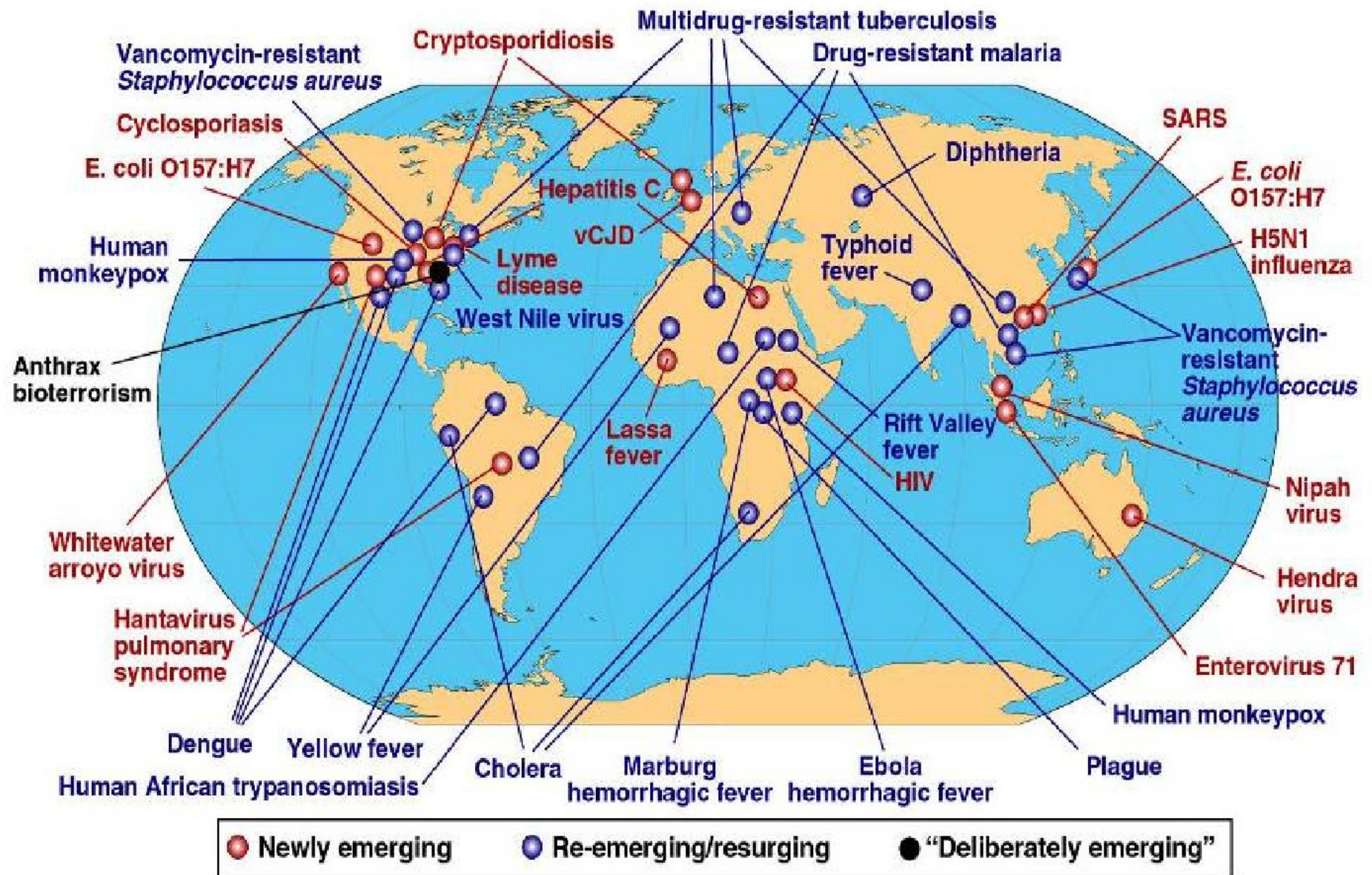
Khoảng 15 triệu người (>25%) trong số 57 triệu trường hợp tử vong hàng năm trên toàn cầu trực tiếp do nhiễm trùng

(World Health Organization 2004)



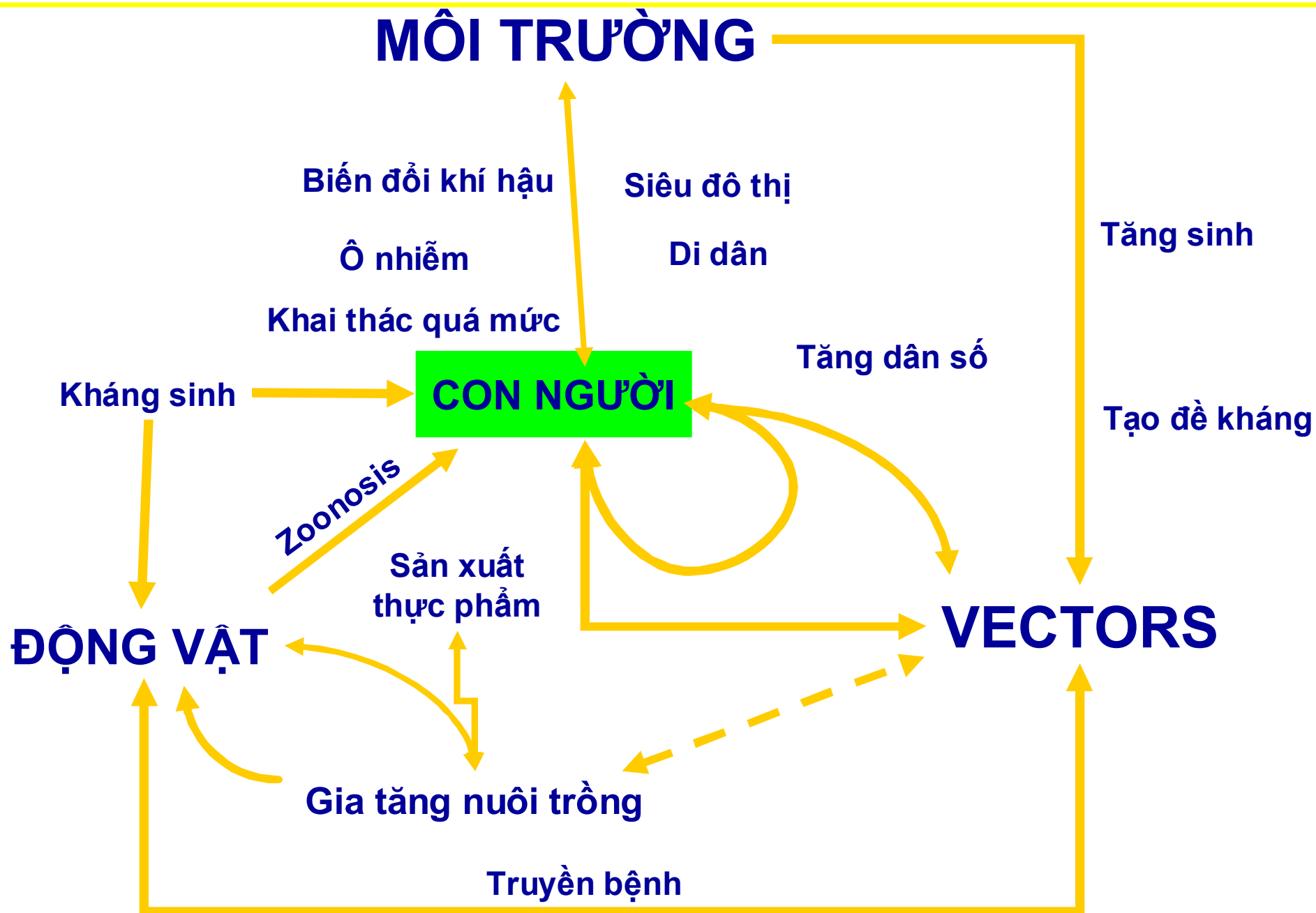
| Infectious diseases | Annual deaths (million) |
|--|-------------------------|
| Respiratory infections | 3.96 |
| HIV/AIDS | 2.77 |
| Diarrhoeal diseases | 1.80 |
| Tuberculosis | 1.56 |
| Vaccine-preventable childhood diseases | 1.12 |
| Malaria | 1.27 |
| STDs (other than HIV) | 0.18 |
| Meningitis | 0.17 |
| Hepatitis B and C | 0.16 |
| Tropical parasitic diseases | 0.13 |
| Dengue | 0.02 |
| Other infectious diseases | 1.76 |

Global Examples of Emerging and Re-Emerging Infectious Diseases



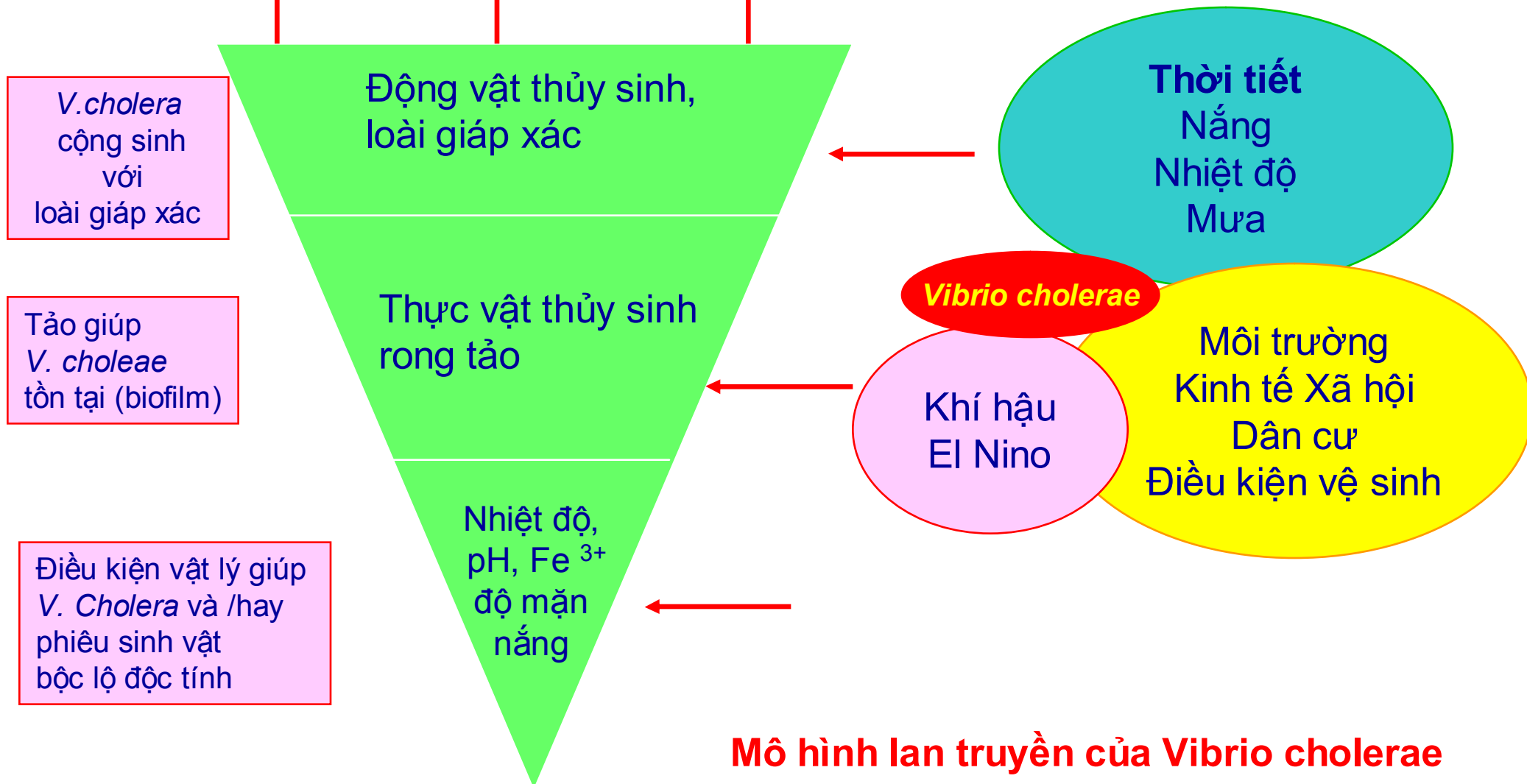
Source: NATURE; Vol 430; July 2004

Tác động đa chiều của nhiều yếu tố



Hiểu biết tốt hơn về nguồn bệnh

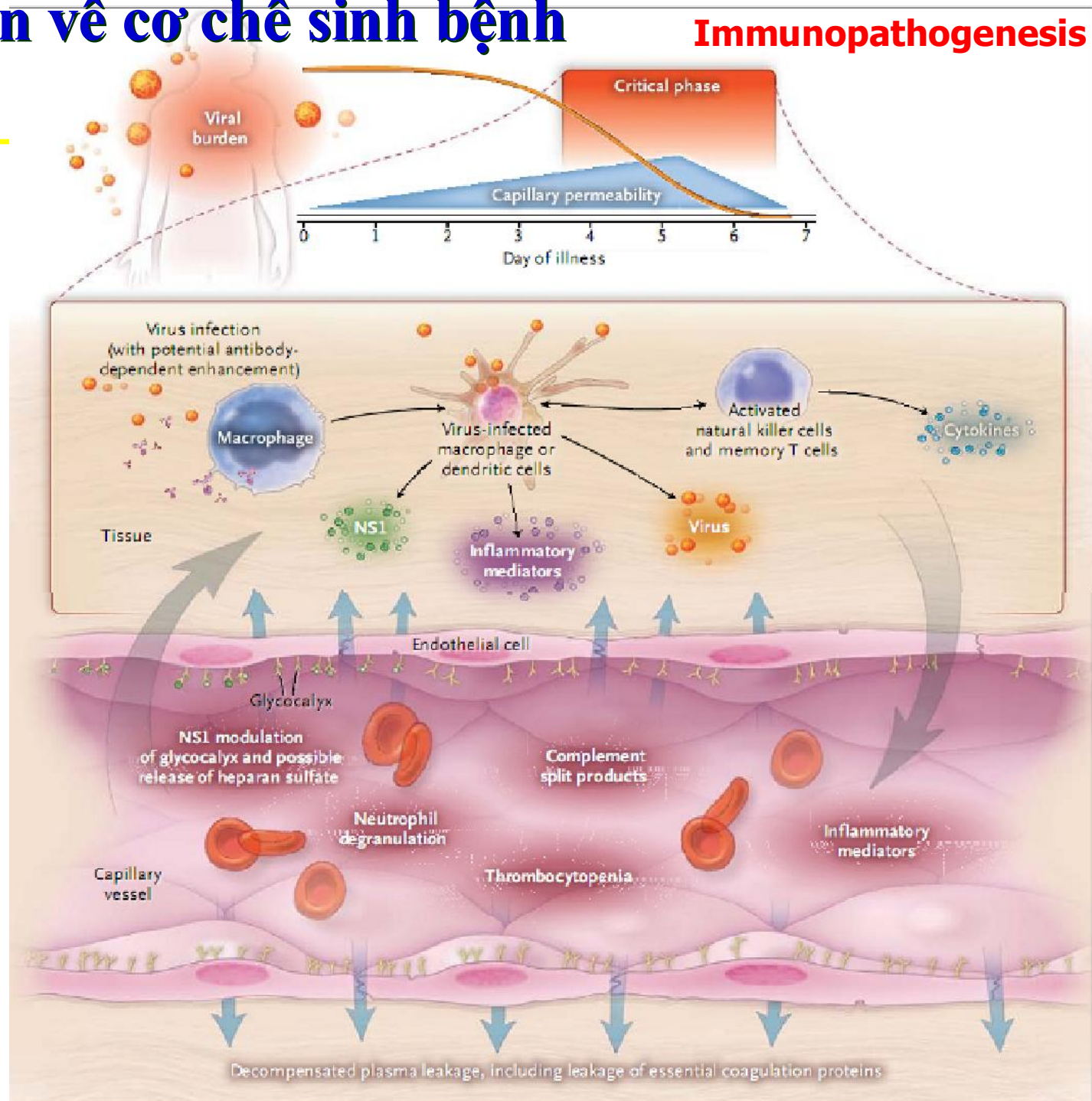
Truyền bệnh sang người



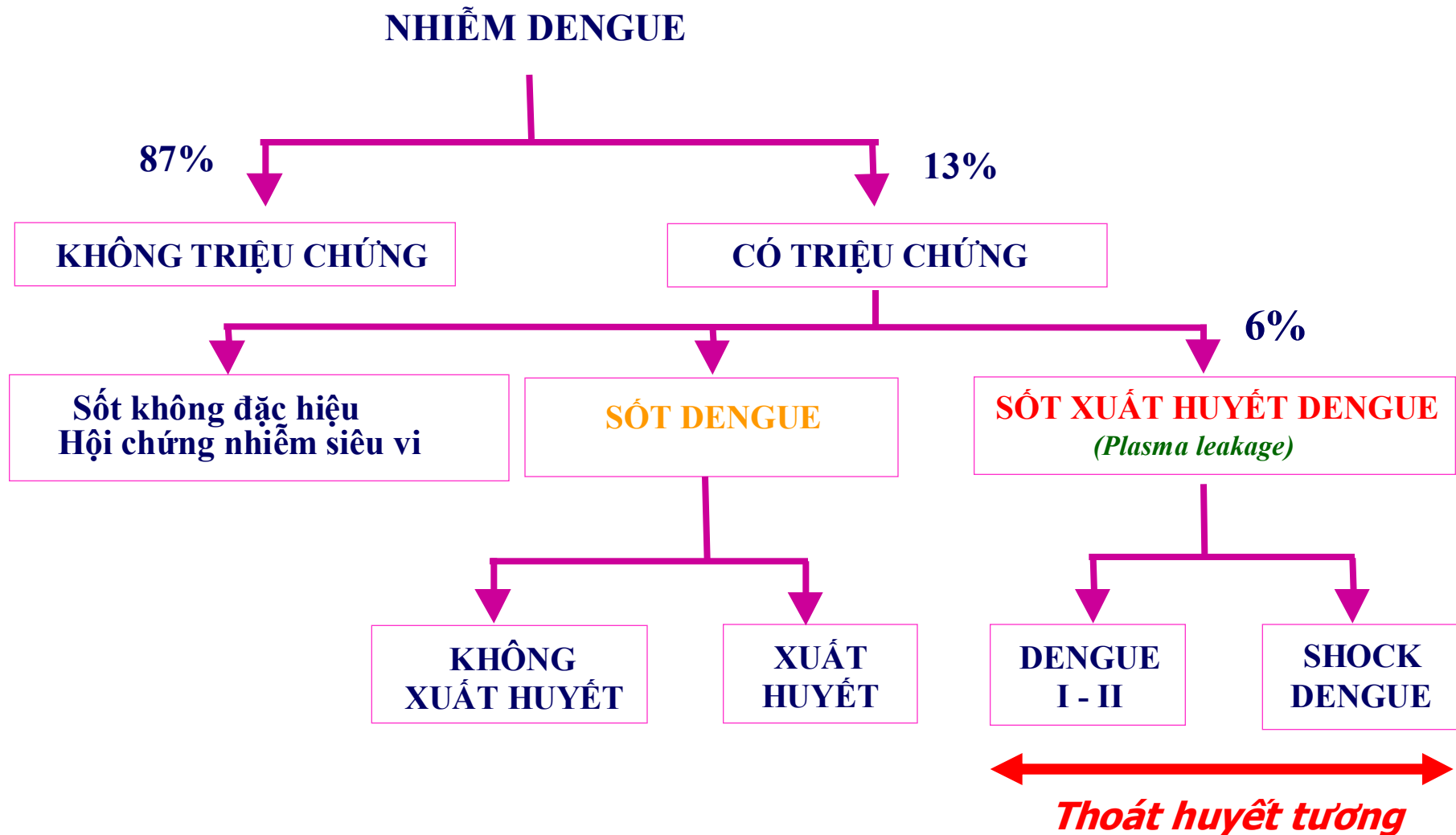
Hiểu biết tốt hơn về cơ chế sinh bệnh

Immunopathogenesis

Miễn dịch bệnh lý trong SXH-D



Quan điểm cổ điển về thoát huyết tương

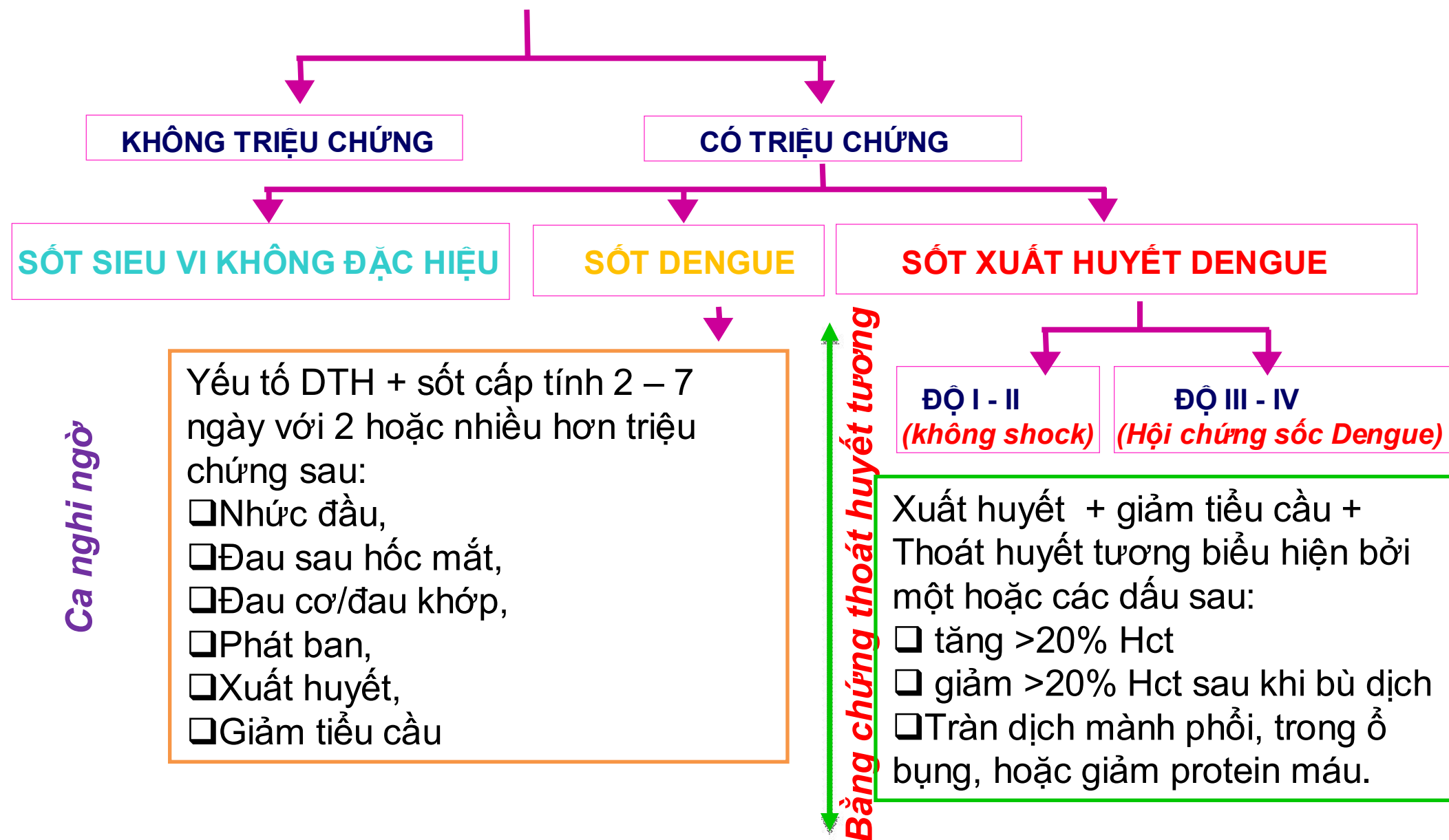


Phát hiện lần đầu tiên từ 1950s (Cohen and Halstead 1966; Nimmannitya et al. 1969)

(Quan điểm cổ điển, áp dụng trong phác đồ chẩn đoán SXH-D đến 2009)

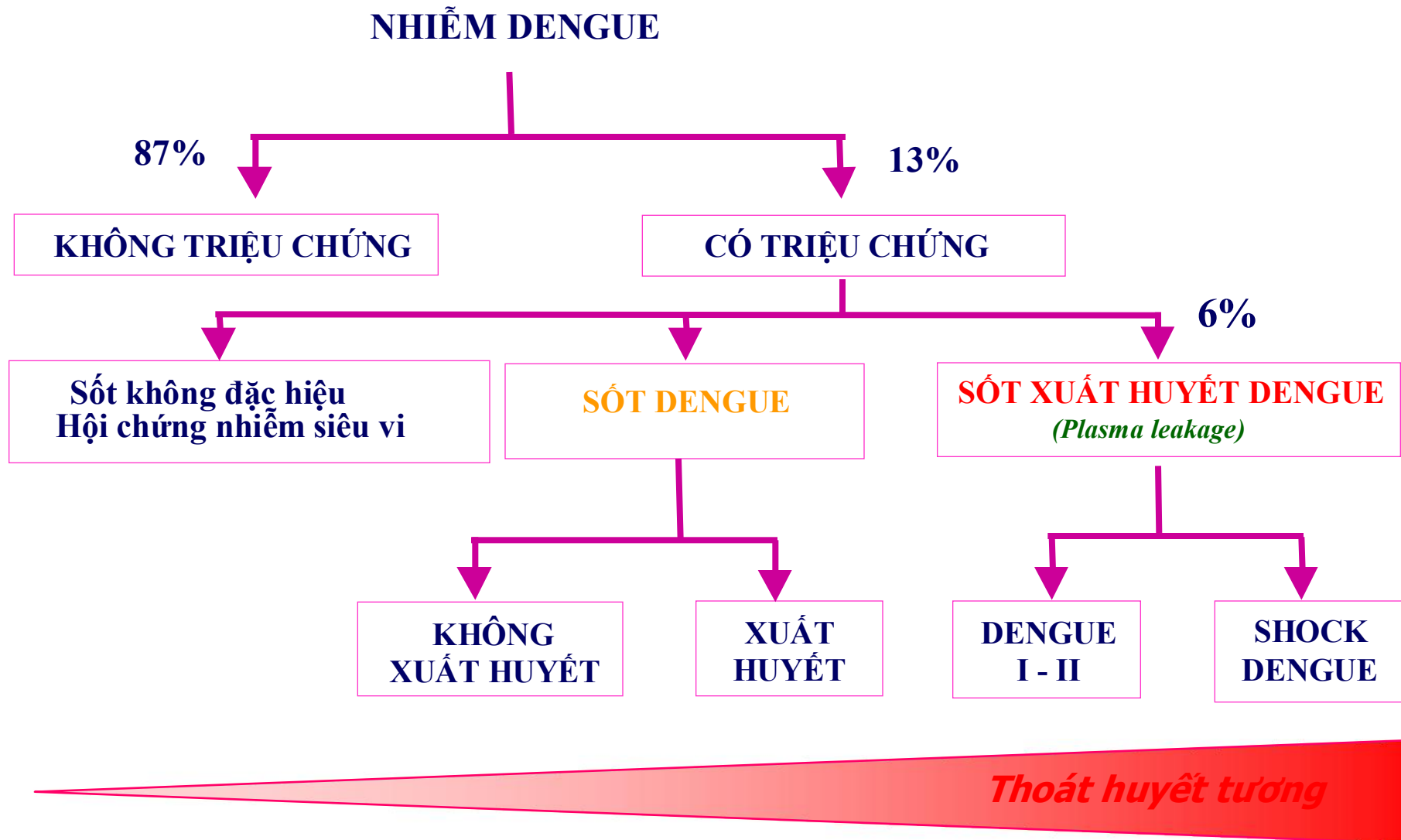
Phân loại chẩn đoán theo quan điểm cổ điển

NHIỄM DENGUE



Ca xác định: bằng chứng virus học hoặc huyết thanh học nhiễm dengue cấp

Quan điểm hiện nay về thoát huyết tương



(Quan điểm hiện nay, áp dụng trong phác đồ WHO 2009 – BHYT 2011)